TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG Bản án số: 37/2024/HNGĐ - ST. Ngày: 26/7/2024. V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Kiệt

Ông Phạm Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hải Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 31/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ ***Nguyên đơn***: Chị Phan Thị N, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2/ ***Bị đơn***: Anh Thái Hoàng L, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 11 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn chị Phan Thị N (sau đây gọi tắt là chị N) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Thái Hoàng L *(sau đây gọi tắt là anh L)* đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện U, tỉnh Kiên

Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị N yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị N và anh L chung sống với nhau có 01 người con chung tên Thái Ngọc Minh T, sinh ngày 14/4/2021, giới tính nữ, hiện con chung đang sống với chị N. Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Thái Hoàng L đã được Toà án triệu tập hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy khai sinh (bản sao), trích lục kết hôn, xác nhận nơi cư trú, biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với anh L.

- Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX, cho chị N được ly hôn với anh L, giao con chung tên Thái Ngọc Minh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, về tài sản và nợ chung chị N và anh L không có yêu cầu đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thái Hoàng L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Thái Hoàng L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, chị N cương quyết ly hôn với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị N và anh L chung sống với nhau có 01 người con chung tên Thái Ngọc Minh T, sinh ngày 14/4/2021, giới tính nữ, hiện con chung đang sống với chị N. Con chung từ bé đến nay sống chung với chị N và hiện còn bé cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, chị N có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận thấy giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh L là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng, lương tối thiểu vùng được áp dụng là 3.450.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng bằng 1.725.000 đồng. Anh Thái Hoàng L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Thái Ngọc Minh T, sinh ngày 14/4/2021 mỗi tháng 1.725.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/7/2024.

Anh L có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. HĐXX không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000631, ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Án phí cấp dưỡng: Anh Thái Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Đ a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Thái Hoàng L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Ngọc Minh T, sinh ngày 14/4/2021, giới tính nữ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thái Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Thái Ngọc Minh T mỗi tháng 1.725.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/7/2024.

Anh L có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. HĐXX không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên

lai thu số 0000631, ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị N đã nộp xong.

Án phí cấp dưỡng: Anh Thái Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh KG;*
- *VKS ND huyện UMT;*
- *Chi cục THA huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Loan